|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**TỈNH QUẢNG NGÃI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số: 06/NQ-HĐND |  | *Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 7 năm 2025* |

######

###### NGHỊ QUYẾT

**Về việc áp dụng Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*[*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-sua-doi-Luat-Chung-khoan-Ke-toan-Ngan-sach-Nha-nuoc-Thue-thu-nhap-ca-nhan-2024-622318.aspx) *ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 06 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1677/UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi;*

*Xét Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho phép tiếp tục áp dụng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

 **QUYẾT NGHỊ:**

###### Điều 1. Quyết định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

###### Áp dụng quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo các Nghị quyết: số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và số 23/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (trong đó định mức chi ngân sách cấp xã áp dụng cho các xã, phường, đặc khu như phụ lục 01 kèm theo); số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021, số 22/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 và số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (trong đó định mức chi ngân sách cấp xã áp dụng cho các xã, phường như phụ lục 02 kèm theo) để phân bổ dự toán ngân sách năm 2025.

 **Điều 2.** **Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

 **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

 Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2025.

 *Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2025./.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHỦ TỊCH**  |
|  |  | **(Đã ký)** **Nguyễn Đức Tuy** |

|  |
| --- |
| **Phụ lục 01** |
| *(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh)* |
| **STT** | **TÊN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU** |
|  |
| 1 | Xã Tịnh Khê |  |
| 2 | Xã An Phú |  |
| 3 | Xã Nguyễn Nghiêm |  |
| 4 | Xã Khánh Cường |  |
| 5 | Xã Bình Minh |  |
| 6 | Xã Bình Chương |  |
| 7 | Xã Bình Sơn |  |
| 8 | Xã Vạn Tường |  |
| 9 | Xã Đông Sơn |  |
| 10 | Xã Trường Giang |  |
| 11 | Xã Ba Gia |  |
| 12 | Xã Sơn Tịnh |  |
| 13 | Xã Thọ Phong |  |
| 14 | Xã Tư Nghĩa |  |
| 15 | Xã Vệ Giang |  |
| 16 | Xã Nghĩa Giang |  |
| 17 | Xã Trà Giang |  |
| 18 | Xã Nghĩa Hành |  |
| 19 | Xã Đình Cương |  |
| 20 | Xã Thiện Tín |  |
| 21 | Xã Phước Giang |  |
| 22 | Xã Long Phụng |  |
| 23 | Xã Mỏ Cày |  |
| 24 | Xã Mộ Đức |  |
| 25 | Xã Lân Phong |  |
| 26 | Xã Trà Bồng |  |
| 27 | Xã Đông Trà Bồng |  |
| 28 | Xã Tây Trà |  |
| 29 | Xã Thanh Bồng |  |
| 30 | Xã Cà Đam |  |
| 31 | Xã Tây Trà Bồng |  |
| 32 | Xã Sơn Hạ |  |
| 33 | Xã Sơn Linh |  |
| 34 | Xã Sơn Hà |  |
| 35 | Xã Sơn Thủy |  |
| 36 | Xã Sơn Kỳ |  |
| 37 | Xã Sơn Tây |  |
| 38 | Xã Sơn Tây Thượng |  |
| 39 | Xã Sơn Tây Hạ |  |
| 40 | Xã Minh Long |  |
| 41 | Xã Sơn Mai |  |
| 42 | Xã Ba Vì |  |
| 43 | Xã Ba Tô |  |
| 44 | Xã Ba Dinh |  |
| 45 | Xã Ba Tơ |  |
| 46 | Xã Ba Vinh |  |
| 47 | Xã Ba Động |  |
| 48 | Xã Ba Xa |  |
| 49 | Xã Đặng Thùy Trâm |  |
| 50 | Phường Trương Quang Trọng |  |
| 51 | Phường Cẩm Thành |  |
| 52 | Phường Nghĩa Lộ |  |
| 53 | Phường Trà Câu |  |
| 54 | Phường Đức Phổ |  |
| 55 | Phường Sa Huỳnh |  |
| 56 | Đặc khu Lý Sơn |  |

|  |
| --- |
| **Phụ lục 02** |
| *(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh)* |
| **STT** | **TÊN XÃ, PHƯỜNG** |
|  |
| 1 | Xã Ngọk Bay |  |
| 2 | Xã Ia Chim |  |
| 3 | Xã Đăk Rơ Wa |  |
| 4 | Xã Đăk Pxi |  |
| 5 | Xã Đăk Mar |  |
| 6 | Xã Đăk Ui |  |
| 7 | Xã Ngọk Réo |  |
| 8 | Xã Đăk Hà |  |
| 9 | Xã Ngọk Tụ |  |
| 10 | Xã Đăk Tô |  |
| 11 | Xã Kon Đào |  |
| 12 | Xã Đăk Sao |  |
| 13 | Xã Đăk Tờ Kan |  |
| 14 | Xã Tu Mơ Rông |  |
| 15 | Xã Măng Ri |  |
| 16 | Xã Bờ Y |  |
| 17 | Xã Sa Loong |  |
| 18 | Xã Dục Nông |  |
| 19 | Xã Xốp |  |
| 20 | Xã Ngọc Linh |  |
| 21 | Xã Đăk Plô |  |
| 22 | Xã Đăk Pék |  |
| 23 | Xã Đăk Môn |  |
| 24 | Xã Sa Thầy |  |
| 25 | Xã Sa Bình |  |
| 26 | Xã Ya Ly |  |
| 27 | Xã Ia Tơi |  |
| 28 | Xã Đăk Kôi |  |
| 29 | Xã Kon Braih |  |
| 30 | Xã Đăk Rve |  |
| 31 | Xã Măng Đen |  |
| 32 | Xã Măng Bút |  |
| 33 | Xã Kon Plông |  |
| 34 | Phường Kon Tum |  |
| 35 | Phường Đăk Cấm |  |
| 36 | Phường Đăk Bla |  |
| 37 | Xã Đăk Long |  |
| 38 | Xã Rờ Kơi |  |
| 39 | Xã Mô Rai |  |
| 40 | Xã Ia Đal |  |